

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

PHẨM ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN

THỨ MƯỜI BẢY

Bảy giờ đức Thế-Tôn từ trên mặt phóng các thứ ánh sáng màu: Những ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, chiếu thân Thuần-Đà. Thuần-Đà gặp ánh sáng này, bèn cùng quyến thuộc mang những thức ăn đến rừng Ta-La để cúng dường đức Phật lần cuối cùng và cúng dường chúng Tỳ-kheo.

Lúc đó có Trời Đại-Oai-Đức đứng án trước mặt bảo Thuần-Đà rằng: Ông Thuần-Đà nên dừng lại, chớ dâng cúng.

Đức Như-Lai lại phóng vô lượng vô biên ánh sáng, đại chúng cõi trời gặp ánh sáng này liền để cho Thuần-Đà đem những thức ăn uống dâng lên Phật.

Lúc đó chư thiên cùng các chúng sanh đem đồ cúng dường cũng lần đến nơi trước Phật, đồng quì bạch rằng: Ngưỡng mong đức Như-Lai cho phép các Tỳ-kheo thọ vật thực này.

Các Tỳ-kheo biết đã đến giờ ăn, bèn chấp trì y-bát an lành ngồi yên.

Thuần-Đà vì Phật và chúng sanh mà bố thí những tòa báu sư tử, treo phan lọng lụa cùng chuỗi ngọc hương hoa. Lúc bấy giờ cả tam thiên đại thiên thế giới trang nghiêm tốt đẹp như cõi Cực-lạc ở phương Tây.

Thuần-Đà quì trước Phật, sầu lo buồn bã bạch rằng: “Ngưỡng mong đức Như-Lai xót thương trụ thọ một kiếp, hoặc dưới một kiếp.”

Phật bảo Thuần-Đà: “Ông muốn đức Phật ở lâu nơi đời, phải nên mau dâng cúng dường lần cuối cùng.

Lúc đó tất cả Đại-Bồ-Tát, chư thiên, mọi người người khác miệng đồng lời xướng rằng: “Lạ lòng thay ông Thuần-Đà, trọn nên phước đức lớn có thể làm cho đức Như-Lai nhận lấy lần cúng dường cuối cùng. Chúng ta vô phước ủng công trần thiết!”

Đức Thế-Tôn muốn làm cho tất cả đại chúng mãn nguyện, mỗi mỗi lỗ chân lông trên thân Phật hoá thành vô lượng Phật mỗi đức Phật đều có vô lượng Tỳ-kheo Tăng. Chư Phật và Tỳ-kheo Tăng này thị hiện thọ sự cúng dường của Đại-chúng. Thích-Ca Như-Lai tự thọ phần của Thuần-Đà dâng.

Do thần lực của Phật tám học cơm của Thuần-Đà đều cung cấp đầy đủ tất cả Đại-hội. Thuần-Đà thấy vậy, vui mừng hơn hở, tất cả đại chúng cũng đều hoan hỷ.

Toàn thể đại chúng lúc đó đều nghĩ rằng: Nay đức Như-Lai đã nhận sự cúng dường rồi, không bao lâu sẽ vào Niết-Bàn. Lòng đại chúng vừa buồn vừa mừng.

Lúc bấy giờ rừng cây Ta-La vốn hẹp nhỏ, do thần lực của Phật, khoảng không gian như mũi kim đều có vô lượng chư Phật Thế-Tôn và quyền thuộc Bồ-Tát đồng ngồi thọ thực. Những thức ăn cũng đồng không sai khác.

Lúc đó chư Thiên, mọi người, A-Tu-La vân vân, khóc lóc buồn khổ than rằng: Nay đức Như-Lai đã thọ lần cúng dường cuối cùng của chúng ta, rồi đây đức Phật sẽ nhập Niết-Bàn, chúng ta còn biết sẽ cúng dường ai. Nay chúng ta mất hẳn bậc điều-ngự vô thượng, khác nào người mù không con mắt.

Đức Thế-Tôn vì muốn an ủi tất cả đại chúng mà nói kệ rằng:

Đại chúng chớ buồn than,
Pháp chư Phật phải vậy.
Phật nhập nơi Niết-Bàn,
Đã trải vô lượng kiếp.
Thường hưởng vui vô thượng,
Vĩnh viễn ở an ổn.
Mọi người lắng lòng nghe!
Phật sẽ nói Niết-Bàn:
Phật đã lia ăn uống.
Trọn không khổ đói khát,
Phật sẽ vì mọi người,
Nói nguyện tùy thuận kia,
Khiến tất cả đại chúng,
Đều được vui an ổn,
Nghe xong nên tu hành,
Pháp thường trụ của Phật.
Giả sử quạ chim cắt,
Chung một cây làm ổ.
Nhu anh em thân yêu,
Phật mới Niết- Bàn hẳn.
Nhu-Lai xem tất cả,
Thương như La-Hầu-La,
Thường làm thầy chúng sanh,

Sao lại Niết-Bàn hẳn.
 Giả sử rắn chuột sói,
 Đồng ở chung một hang,
 Thương nhau như anh em,
 Phật mới Niết-bàn hẳn.
 Như-Lai xem tất cả,
 Thương như La-Hầu-La,
 Thường làm cha chúng sanh,
 Thế nào Niết-Bàn hẳn.
 Giả sử hoa thất-diệp,
 Thơm như hoa bàn-su.
 Trái cây ca-lưu-ca,
 Chuyên làm trái trấn-đầu,
 Như-Lai xem tất cả,
 Thương như La-Hầu-La,
 Sao lại bỏ Từ-Bi.
 Vĩnh viễn nhập Niết-Bàn.
 Giả sử nhứt-xiên-đề,
 Hiện thân thành Phật đạo,
 Thọ hẳn vui đệ nhứt,
 Phật mới vào Niết-Bàn.
 Như-Lai xem tất cả,
 Đều như La-Hầu-La,

Sao lại bỏ Từ-Bi,
 Vĩnh viễn nhập niết-Bàn.
 Giả sử tất cả chúng,
 Đồng thì thành Phật đạo,
 Xa lìa các lỗi lầm,
 Phật mới nhập Niết-Bàn.
 Như-Lai xem tất cả,
 Đều như La-Hầu-La,
 Sao lại bỏ Từ-bi,
 Vĩnh viễn nhập Niết-Bàn.
 Giả sử nước đá muối,
 Ngập lụt cả đại địa,
 Ngập núi và trăm sông,
 Biển cả đều đầy tràn.
 Nếu có việc như vậy,
 Phật mới vào Niết-Bàn.
 Lòng bi xem tất cả,
 Đều như La-Hầu-La,
 Thường làm thầy chúng sanh,
 Sao lại Niết-Bàn hẳn.
 Vì thế nên mọi người,
 Phải ưa thích chánh pháp.
 Chẳng nên sanh buồn rầu,

Than thở mà khóc lóc.
 Muốn có hạnh chân chánh,
 Phải tu Phật thường trụ,
 Nên xét pháp như vậy,
 Còn mãi chẳng biến đổi.
 Lại nên suy nghĩ rằng:
 Tam-Bảo đều thường trụ,
 Thì được lợi ích lớn,
 Như cây khô sanh trái.
 Đây gọi là Tam-Bảo,
 Tứ chúng phải khéo nghe,
 Nghe rồi thêm vui mừng,
 Liền phát tâm Bồ-Đề.
 Nếu biết được Tam-Bảo,
 Thường trụ đồng chân-đế,
 Đây thì là thệ nguyện,
 Tối-thượng của chư Phật.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, có thể y cứ theo thệ nguyện tối thượng của Như-Lai mà tự phát nguyện, nên biết người này không có ngu si, kham lãnh thọ sự cúng dường. Bởi nguyện lực này

có công đức quả báo rất thù thắng nơi thế gian, như A-La-Hán. Nếu ai chẳng thể quan sát Tam-bảo thường trụ như vậy, kẻ này là chiêm-đà-la.

Nếu có người biết được Tam-Bảo là thường trụ, là nhưn duyên pháp chân thật, thì lìa khổ được an vui, không có gì nhiều hại lưu nạn được người này.

Lúc đó cả đại chúng trời, người, a-tu-la vân vân, nghe lời Phật dạy, đều vui mừng hơn hở tâm tưởng đều nhu, dung nhan vui vẻ oai đức thanh tịnh, khéo dứt ngũ cái, tâm không phân biệt cao hạ, biết Phật là thường trụ. Do đó đại chúng sắp đặt các thứ cúng dường, cõi trời rải các thứ hoa trời, hương bột, hương thoa, đánh trống trời, trỗi kỹ nhạc trời để cúng dường Phật.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát rằng: “Ông thấy việc hy hữu của đại chúng đây chẳng?”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Tôi đã thấy. Tôi thấy các đức Như-Lai đông vô lượng vô biên không thể tính đếm, lãnh thọ những thức uống ăn của đại chúng cúng dường. Lại thấy chư Phật thân rất cao lớn, mà chỗ ngồi chỉ choáng khoảng bằng mũi kim. Chúng đông vì nhiều không chướng ngại nhau. Lại thấy đại chúng đều phát nguyện nói mười ba bài kệ. Tôi cũng biết đại chúng đều tự nghĩ rằng: Nay đức Như-Lai riêng thọ tôi cúng dường. Giả sử tất cả vật thực của Thuần-Đà dâng cúng, nghiền nhỏ như vi trần, đem một vi trần dâng một đức Phật, vẫn không khắp đủ, nhưng nhờ thần lực của Phật, mà đều cung cấp đủ tất cả đại chúng, chỉ có các vị Đại-Bồ-Tát như Văn-Thù Sư-Lợi Pháp-Vương Tử vân vân, mới biết được sự hi hữu này. Đây đều là đức Như-Lai phương tiện thị hiện, chúng Thanh-

Văn và A-Tu-La vân vân đều biết đức Như-Lai là pháp thường trụ”.

Đức Thế-Tôn bảo Thuần-Đà rằng: “Nay ông có thấy việc hi hữu lạ lùng này chăng?”

- Bạch Thế-Tôn! Tôi thật có thấy. Tôi trước thấy vô lượng chư Phật, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Chư Đại-Bồ-Tát cung kính vi nhiễu”.

Phật bảo Thuần-Đà: “Vô lượng chư Phật mà ông đã thấy, đó là ta hoá hiện ra để đem sự lợi ích vui mừng đến cho tất cả chúng sanh. Hàng Đại Bồ-Tát như vậy công hạnh tu hành chẳng thể nghĩ bàn, có thể làm vô lượng Phật sự. Nay Thuần-Đà, nay ông đã thành tựu hạnh Đại-Bồ-Tát, được trụ thập địa, đã làm xong đầy đủ công hạnh của Bồ-tát”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Đúng như lời Phật dạy. Chỗ tu tập của

Thuần-Đà trọn nên hạnh Bồ-Tát, tôi cũng tùy hỷ.

Hôm nay đức Như-Lai vì muốn đem sự sáng suốt lớn cho chúng sanh đời vị lai, mà nói kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này.

Bạch Thế-Tôn! Tất cả khế kinh có còn nghĩa dư thừa hay không nghĩa dư thừa?

Này Thiên-nam-tử! Kinh của Phật đã nói cũng có nghĩa dư thừa, cũng không nghĩa dư thừa.

Thuần-Đà bạch Phật: “Thế-Tôn! Như lời Phật nói:

Tất cả vật của mình có,
 Đem bố thí cho tất cả,
 Chỉ phải nên đều tán thán,
 Trọn không được có khuy tổn.

Bạch Thế-Tôn! Nghĩa đó thế nào. Trì giới, hủy giới có sai khác gì?

Phật nói: “Chỉ trừ một người, ngoài ra tất cả bố-thí đều nên tán thán”.

Thuần-Đà bạch Phật: “Thế nào gọi là chỉ trừ một người?”

Phật nói: “Người phá giới như trong kinh này đã nói”.

Thuần-Đà lại bạch: “Nay tôi chưa được rõ, cúi mong đức Phật nói rõ cho”.

Phật bảo Thuần-Đà: “Trong kinh đây nói người phá giới là nhứt-xiên-đề. Ngoài ra tất cả chỗ bố-thí đều nên tán thán, được quả báo rất lớn”.

Thuần-Đà bạch Phật: “Thế-Tôn! Nghĩa nhứt-xiên-đề như thế nào?”

Phật bảo Thuần-Đà: “Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nói lời thô ác, chê bai chánh pháp, tạo tội nặng nề, trọn chẳng ăn năn, tâm không hổ thẹn, người như vậy gọi là xu hướng con đường nhứt-xiên-đề.

Nếu người phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, tự quyết định biết phạm tội trọng như vậy, mà tâm chẳng biết sợ sệt hổ thẹn,

chẳng bằng lòng phát lồ, ở nơi chánh pháp trọn không lòng hộ trì kiến lập, chê bai khinh tiện, nhiều lời lỗi lầm, người như vậy cũng gọi là hướng đến đường nhứt-xiển-đề.

Nếu lại có người nói rằng: Không Phật, không Pháp, không Tăng, người như vậy, cũng gọi là hướng đến đường nhứt-xiển-đề.

Chỉ trừ bọn nhứt-xiển-đề này, ngoài ra tất cả chỗ bố thí đều nên tán thán.”

Thuần-Đà lại bạch Phật rằng: “Thế-Tôn! Như Phật nói phá giới, nghĩa đó thế nào?”

- Nay Thuần-Đà! Nếu phạm bốn tội nặng và năm tội nghịch, cùng hủy báng chánh pháp, người như vậy gọi là phá giới.

Thuần-Đà bạch Phật: “Thế-Tôn! người phá giới như vậy có thể cứu vớt được chăng?”

- Nay Thuần-Đà! Có như duyên thì cứu vớt được. Nếu người đó còn mặc pháp

phục chưa bỏ, trong tâm luôn hồ thẹn sợ sệt, tự trách cứ lấy mình, trong lòng ăn năn, sanh tâm hộ trì chánh pháp, muốn kiến lập chánh pháp và nguyện sẽ cúng dường người hộ pháp. Nếu có người đọc tụng kinh điển Đại-thừa, tôi sẽ đến han hỏi để được thọ trì đọc tụng. Khi đã thông thuộc rồi, tôi sẽ vì người khác giảng nói.

Này Thuần-Đà người như trên đây, Phật gọi là chẳng phá giới. Ví như mặt trời mọc lên có thể phá trừ tất cả tối tăm sương mù. Cũng vậy, kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn vì diệu này, khi hiện ra nơi đời, có thể phá trừ những nghiệp tội trong vô lượng kiếp của chúng sanh. Thế nên kinh này nói rằng hộ trì chánh pháp được quả báo lớn, có thể cứu vớt kẻ phá giới.

Nếu có người hủy báng chánh pháp này, mà có thể tự ăn năn chừa cải, trở về nơi chánh pháp, tự nghĩ tất cả điều ác đã làm,

như người tự hại lấy mình, sanh lòng kinh sợ hổ thẹn. Trừ chánh pháp này ra không có gì cứu hộ được. Vì thế nên phải trở về nơi chánh pháp.

Người này nếu có thể quy y chánh pháp như trên, bố thí cho người này sẽ được vô lượng phước. Người này cũng gọi là bậc đáng lãnh thọ sự cúng dường của thế gian.

Nếu người phạm những tội nghiệp ác như trên, trải qua một tháng, hoặc mười lăm ngày, chẳng có lòng phát lồ quy y chánh pháp, nếu bố thí cho người này được quả báo rất ít.

Người phạm tội ngũ nghịch, nếu có thể sanh lòng ăn năn hổ thẹn quy y hộ trì chánh pháp như trên, người này chẳng gọi là phạm tội ngũ nghịch. Nếu bố thí cho người này, được vô lượng phước. Nếu phạm tội ngũ nghịch, mà chẳng sanh tâm quy y hộ pháp.

Nếu bố thí cho người này, được phước không đáng kể.

Nếu Thiện-nam-tử! Người phạm tội trọng nên có tâm này: Chánh pháp tức là tạng Như-Lai vi mật, tôi phải hộ trì kiến lập. Nếu ai bố thí cho người này, thì được quả báo rất tốt.

Này Thiện-nam-tử! Ví như thiếu phụ kia mang thai gần ngày sanh nở, nhằm lúc trong nước loạn lạc, lánh nạn trốn đến xứ khác, giữa đường sanh nở. Sau đó nghe nước nhà đã an ổn, đem con trở về, giữa đường phải lội qua con sông nước đầy chảy xiết, đến giữa dòng đuối sức, tự nghĩ rằng: Tôi thà cùng con tôi đồng chết, quyết không bỏ con để được sống một mình. Do đó mẹ con đều bị nước cuốn chìm. Phụ nữ ấy, sau khi chết được sanh lên cõi trời. Phụ nữ này tánh vốn tệ ác nhờ lòng thương con mà được sanh lên cõi trời.

Cũng vậy, người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, nếu sanh tâm quy y hộ trì chánh pháp thì là phước điền vô thượng của thế gian. Người hộ pháp này được vô lượng quả báo tốt như vậy.

Thuần-Đà bạch Phật: Thế-Tôn! Nếu hạng nhứt-xiên-đề có thể tự ăn năn chừa cải, cung kính cúng dường tán thán Tam-Bảo. Bổ thí cho người này có được quả báo lớn chẳng?

Này Thiện-nam-tử! Nay ông chẳng nên nói như vậy. Ví như có người ăn trái Am-La nghĩ rằng: Trong hột trái này có lẽ ngọt liền đập bể hột ra để nếm thấy vị rất chất đắng, lòng sanh hối hận sợ mất giống trái tốt, mới gom góp mảnh hột vụn đem uơm nơi đất, siêng năng săn sóc, đến dùng sữa, tô, dầu để tưới bón. Ý ông nghĩ thế nào, hột đó có thể mọc lên cây được chẳng?

- Bạch Thế-Tôn! “Không thể mọc lên được, dầu cho trời mưa chát cam lồ, hột nát bẻ ấy cũng mọc không được”.

- Này Thiện-nam-tử! Hạng nhứt-xiên-đề đã đốt cháy căn lành, sẽ ở nơi chỗ nào mà trừ tội được.

Nếu sanh tâm lành, thì kẻ đó chẳng gọi là nhứt-xiên-đề.

Do nghĩa này tất cả chỗ bố thí được quả báo chẳng phải không sai khác. Vì thí cho hàng Thanh-Văn được quả báo khác, thí hàng Bích-Chi Phật được quả báo cũng khác.

Duy cúng thí đức Như-Lai được quả báo vô thượng. Thế nên nói rằng: Tất cả chỗ bố thí chẳng phải không sai khác.

Thuần-Đà lại bạch: “Thế-Tôn! Do có chi đức Như-Lai nói bài kệ ấy?”

- Này Thuần-Đà! Vì có nhơn duyên nên ta nói bài kệ ấy.

Trong thành Vương-Xá có nhà cư sĩ không lòng tin Tam-Bảo, phụng thờ phái Ni-Kiền-Tử đến hỏi Phật nghĩa bố thí nên ta nói bài kệ ấy. Cũng vì các vị Đại-Bồ-Tát mà nói nghĩa tạng bí mật, bài kệ ấy nghĩa như vậy:

Tất cả đó là ít phần tất cả. Phải biết Đại-Bồ-Tát là bậc tôn quý trong loài người, nhiếp thủ hạng trì giới cung cấp cho đồ cần dùng, dứt bỏ hạng phá giới, như bỏ cỏ rác.

Này Thiện-nam-tử! Như xưa kia ta nói kệ rằng:

Tất cả sông ngòi,
 Quyết có xoáy cong,
 Tất cả rừng rậm,
 Quyết là cây cối,
 Tất cả người nữ.
 Quyết lòng dua vạy,
 Tất cả tự tại,
 Quyết hưởng an vui.

Lúc đó Văn-thù Sư-Lợi Bồ-Tát đến lay chân Phật mà nói kệ rằng:

Chẳng phải tất cả sông,
 Điều quyết có xoáy cong,
 Chẳng phải tất cả rừng,
 Quyết gọi là cây cối.
 Chẳng phải mọi người nữ,
 Quyết có lòng dua vạ.
 Tất cả hàng tụt tại.
 Chẳng quyết đều hưởng vui.

Văn-Thù Su-Lợi lại bạch: “Kệ của đức Phật nói còn có nghĩa dư thừa, cúi mong đức Như-lai nói rõ hơn duyên kia.

Thế-Tôn! Vì nơi thế giới này, có bờ Câu-da-ni, nơi ấy có con sông Ta-bà-da ngay thẳng chẳng cong, như sợi dây, chạy chẳng vào biển Tây. Con sông ấy nơi trong những kinh khác Phật chưa từng nói, xin đức Như-Lai hơn hội phương đẳng này, nói nghĩa còn dư thừa trong kinh A-Hàm, khiến các vị Bồ-Tát hiểu rõ nghĩa ấy.

Thê-Tôn! Ví như có người, lúc trước thì biết quặng vàng, lúc sau lại chẳng biết vàng. Cũng vậy, đức Như-Lai biết rõ tất cả pháp mà lời nói ra còn có nghĩa dư thừa chẳng trọn. Dầu đức Như-Lai nói nghĩa thừa như vậy, nhưng cũng nên phương tiện giải rõ ý nghĩa kia.

Tất cả rừng rậm quyết là cây cối. Đây cũng chưa được trọn, vì các thứ cây vàng, bạc, lưu ly những cây bằng chất báu, cũng gọi là rừng.

Tất cả người nữ quyết có lòng dục vọng. Đây cũng chưa trọn, vì cũng có người nữ khéo giữ giới cấm trọn nên công đức, có lòng đại từ bi.

Tất cả tự tại quyết hưởng an vui. Đây cũng chưa trọn, ví như Thích-Ca Như-Lai là đấng pháp vương tự tại, chẳng ở trong phạm vi vô thường, chẳng thể diệt dứt là rốt ráo an vui. Hàng Phạm-Vương Đê-Thích, các trời,

dầu được tự tại, nhưng đều là vô thường, chưa phải an vui. Nếu được thường trụ không biến đổi mới được gọi là tự tại, chính là Đại-thừa Đại-Niết-bàn.”

Phật bảo Văn-Thù Sư-lợi: “Nay ông khéo được biện tài vô ngại.

Này Thiện-nam-tử! Vã thôi, nên lắng nghe. Ví như trưởng giả mang bệnh khô, y sĩ hiệp thuốc cao để điều trị. Vì tham, người bệnh muốn uống nhiều. Y sĩ bảo, nếu có thể tiêu hoá được thì nên uống nhiều, nay thân trưởng giả gầy yếu chẳng nên uống nhiều. Phải biết thuốc cao này gọi là cam lồ, cũng gọi là độc dược, nếu uống nhiều chẳng tiêu hóa được thì thành chất độc.

Này Thiện-nam-tử! Nay ông chớ cho rằng lời nói của y sĩ là trái nghĩa mật lý, làm hư công hiệu của thuốc cao.

Này Thiện-nam-tử! Cũng vậy, đức Như-Lai nhân vua Ba-Tur-Nặc, Vương-tử, và

hậu phi có lòng kiêu mạn, vì muốn điều phục họ nên thị hiện nói lời ấy cho họ sợ sệt, như y sĩ kia. Do đó mà ta nói kệ rằng:

Tất cả sông ngòi,
 Quyết có xoáy cong,
 Tất cả rừng rậm,
 Quyết là cây cối.
 Tất cả người nữ,
 Quyết lòng dua vạ.
 Tất cả tự tại,
 Quyết hưởng an vui.

Này Văn-Thù Sư-Lợi! Ông nên biết rằng lời nói của đức Như-Lai không có sai sót. Như cõi đất này, có thể làm cho lật úp, lời nói của Như-Lai trọn không sai sót. Do nghĩa này nên lời nói của đức Như-Lai tất cả có dư thừa.

Lúc đó đức Phật khen Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát: “Lành thay! Lành thay! Này Thiệnam-tử! Từ lâu ông đã biết nghĩa như vậy.

Vì thương xót tất cả, muốn làm cho chúng sanh được trí huệ, nên ông cố ý hỏi đức Như-Lai nghĩa của bài kệ như vậy”.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát lại ở nơi trước Phật mà nói bài kệ rằng:

Với lời nói của người,
 Tùy thuận chẳng chống trái,
 Cũng chẳng xem người khác,
 Làm hay là chẳng làm,
 Chỉ tự xem thân mình,
 Làm lành hay chẳng lành.

Thế-Tôn! Pháp được như vậy chẳng phải là chánh thuyết, chỉ là đối với lời nói của người khác mà tùy thuận chẳng trái. Cúi mong đức Như-Lai xót thương chánh thuyết cho. Vì Thế-Tôn thường nói, tất cả ngoại giáo cả chín mươi lăm phái, đều đi đến ác đạo. Hàng Thanh-Văn đệ tử đều hướng đến chánh lộ. Khéo giữ gìn cấm giới, nhiếp trì oai nghi, gìn giữ sáu căn, những người như

vậy, rất ưa thích đại thừa, thẳng đến thiện-đạo. Có sao đức Như-Lai ở trong chín loại kinh thấy có ai hủy báng người khác, thì bèn quở trách. Bài kệ trên đây ý nghĩa như thế nào?

- Nay Thiện-nam-tử! Ta nói kệ ấy cũng chẳng phải vì tất cả chúng sanh. Lúc đó chỉ vì vua A-Xà-Thế. Chư Phật nếu không nhờn duyên trọn chẳng nghịch thuyết.

Nay Thiện-nam-tử! Vua A-Xà-Thế khi hại cha rồi, đến giáo hội muốn chiết phục ta, hỏi rằng: Thế-Tôn có nhứt-thiết-trí hay chẳng có nhứt-thiết-trí. Điều-Đạt trong vô lượng đời đã qua, thường ôm lòng ác, theo dõi muốn làm hại Như-Lai. Nếu là bậc nhứt-thiết-trí, sao Như-Lai cho Điều-Đạt xuất gia.

Do nhờn duyên vua A-Xà-Thế hỏi mà ta nói bài kệ:

Với lời nói của người,
Tùy thuận chẳng trái nghịch,

Cũng chẳng xem người khác,
 Làm hay là chẳng làm.
 Chỉ tự xem thân mình,
 Làm lành hay chẳng lành.

Rồi Phật bảo nhà vua, nay nhà vua hại cha đã tạo tội nghịch, nay phải phát lồ để được tiêu tội, có sao lại xem lỗi lầm của người khác.

Này Thiện-nam-tử! Do nghĩa đó nên ta vì vua A-Xa-Thế mà nói bài kệ ấy.

Này thiện-nam-tử! Ta cũng vì người hộ trì cấm giới thành tựu oai nghi, lại xem lỗi của người khác mà nói bài kệ ấy.

Nếu lại có người, nhận lãnh lời dạy của người khác, xa lìa những tội ác, rồi dạy lại người khác, làm cho lìa những tội ác. Người như vậy thì là đệ tử của Phật. Đức Thế-tôn vì Văn-thù-Sur-Lợi Bồ-tát mà nói kệ rằng:

Tất cả đều sợ dao gậy,
 Không ai chẳng mến thân mạng,

Tự tha thứ đáng làm lệ,
 Chớ giết cũng chớ đánh đập.
 Văn-Thù-Sur-Lợi BỒ-Tát lại ở trước
 Phật mà nói kệ rằng:

Chẳng phải tất cả đều sợ gậy.
 Chẳng phải tất cả mến thân mạng,
 Tự tha thứ đáng lấy làm lệ,
 Siêng thực hành những phương tiện
 lành.

Pháp cú của đức Như-Lai nói cũng chưa trọn nghĩa. Vì như A-La-hán, Chuyển-Luân Thánh-Vương, ngọc nữ, tượng bảo, mã bảo, chủ tạng đại-thần, Chư Thiên và A-tu-la, không có ai cầm gươm bén có thể làm hại được.

Dũng sĩ, liệt nữ, mã vương, thú vương. Tỳ-kheo trì giới, dầu có oan đối đến làm hại, nhưng họ chẳng sợ sệt. Do nghĩa này bài kệ của Như-Lai nói cũng chưa trọn nghĩa.

Nếu nói tự tha thứ đáng lấy làm lệ đó, cũng không trọn nghĩa. Vì nếu giả sử A-La-

Hán, lấy mình làm lệ cho người, thì có ngã tướng và thọ mạng tướng. Nếu có ngã tướng và thọ mạng tướng thì phải giữ gìn. Như thế thì phàm phu lẽ ra cũng thấy A-La-Hán đều là hạng người còn tu hành. Nếu thấy như vậy, thì thành tà kiến, sẽ phải đọa Địa ngục A-Tỳ.

Lại A-La-Hán trọn không móng tâm sát hại chúng sanh. Vô lượng chúng sanh cũng không thể làm hại A-la-Hán.

- Nay Thiện-nam-tử! Nói rằng ngã tướng là đối với chúng sanh có lòng đại bi, không có tướng giết hại là nói tâm bình đẳng của A-La-hán. Chớ cho rằng đức Thế-Tôn không nhờn duyên mà nghịch thuyết.

Ngày xưa trong thành Vương-Xá, có người thợ săn giết nhiều nai, mời ta ăn thịt. Lúc đó dẫu ta nhận lời mời, nhưng đối với các chúng sanh sanh lòng từ bi xem như La-Hầu-La mà nói kệ rằng:

Sẽ khiến người được trường thọ,
 Mãi mãi sống ở nơi đời,
 Thọ trì pháp chẳng giết hại.

Dường như thọ mạng của Phật.

Do có đó nên ta nói bài kệ:

Tất cả đều sợ dao gậy,

Không ai chẳng mến thân mạng.

Tự tha thứ, đáng làm lệ,

Chớ giết, cũng chớ đánh đập.

Lành thay! Lành thay! Văn-Thù-Su-

Lợi vì các vị Đại-Bồ-Tát mà gạn hỏi đức
 Như-Lai giáo pháp như vậy.

Văn-Thù Su-Lợi Bồ-Tát lại nói kệ
 rằng:

Thế nào là kính cha mẹ,

Tùy thuận tôn trọng song thân?

Thế nào thật hành pháp này,

Bị đọa nơi ngục vô gián?

Đức Như-Lai nói kệ đáp:

Nếu dùng tham ái làm mẹ,

Dùng vô minh, để làm cha.

Rồi tùy thuận tôn trọng đó,
 Thì phải đọa ngục vô gián.

Đức Như-Lai lại vì Văn-Thù Sư-Lợi

Bồ-Tát nói kệ rằng:

Tất cả thuộc kẻ khác,

Thì gọi đó là khổ,

Tất cả do nơi mình.

Tự tại được an vui,

Tất cả kẻ kiêu mạn,

Thế lực rất bạo ác,

Những người hiền người lành,

Tất cả đều mến tưởng.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật rằng: “Thế-Tôn! Lời nói của Như-Lai cũng chẳng trọn nghĩa. Ngưỡng mong đức Như-Lai thương xót nói nhơn duyên đó. Ví như con trai của trưởng giả, lúc theo thầy học tập, là thuộc nơi thầy chẳng? Nếu thuộc nơi thầy, thì chẳng phải. Nếu chẳng thuộc nơi thầy, thì cũng chẳng phải. Nếu được tự tại, theo nghĩa cũng chẳng phải.

Ví như Vương-tử không có học tập, làm việc gì cũng chẳng thành, ngu tối thường khổ. Vương-tử ấy nếu cho là tự tại, thì chẳng đúng nghĩa, nếu nói thuộc người khác, nghĩa cũng chẳng phải.

Do lẽ trên đây lời nói của Phật gọi là có thừa. Vì thế nên tất cả thuộc người khác chẳng ắt thọ khổ. Tất cả tự tại chẳng ắt hưởng vui. Tất cả kẻ kiêu mạn, thế lực rất bạo ác, lời này cũng có thừa. Thế-tôn! Như các liệt nữ, vì tâm kiêu mạn, mà xuất gia học đạo, giữ gìn cấm giới, thành tựu oai nghi, kèm giữ sáu căn chẳng cho buông lung. Thế nên tất cả phiền não kiêu mạn chẳng ắt là bạo ác.

Người hiền, người lành, tất cả đều mến trọng lời này cũng có thừa. Như người phạm bốn tội nặng rồi chẳng bỏ pháp phục, giữ gìn oai nghi, hộ trì chánh pháp, người khác thấy chẳng mến, người này sau khi

chết ắt đọa địa ngục. Nếu có người hiền phạm tội trọng, người hộ pháp thấy đó, liền đuổi ra bảo hoàn tục. Do nghĩa này tất cả người hiền người lành chẳng ắt đều được miễn tướng.

Phật bảo Văn-thù Sư-Lợi Bồ-tát: Vì có duyên do nên đức Như-Lai ở trong trường hợp này nói pháp có nghĩa thừa. Lúc đó trong thành Vương-Xá có người nữ tên Thiện-Hiền trở về nhà cha mẹ. Nhưn đó nàng đến chỗ ta quy y Phật, Pháp, và chúng Tăng mà bạch rằng: Tất cả người nữ chẳng được tự do, tất cả người nam tự tại vô ngại.

Ta biết rõ tâm nàng bèn vì nàng mà nói bài kệ tụng như trên.

Này Văn-Thù-Sư-Lợi! Lành thay!
Lành thay! Nay ông có thể vì tất cả chúng sanh hỏi nơi đức Như-Lai mật ngữ như vậy”.

Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát lại nói kệ rằng:

Tất cả loài chúng sanh,
 Nhờ ăn uống được sống,
 Tất cả người đại-lực,
 Tâm họ không tật đố,
 Tất cả nhơn uống ăn,
 Mà mắc nhiều bệnh khổ,
 Tất cả tu tịnh hạnh,
 Mà được hưởng an vui.

Nay đức Thế-Tôn thọ vật thực của ông
 Thuần-Đà cúng dường, phải chăng đức
 Như-Lai có sợ sệt ư?

Đức Phật vì Văn-Thù-Su-Lợi Bồ-Tát
 mà nói kệ rằng:

Chẳng phải tất cả chúng sanh,
 Đều nhờ uống ăn mà sống,
 Chẳng phải tất cả đại lực,
 Tâm họ đều không tật đố,
 Chẳng phải tất cả do ăn,
 Mà chuốc lấy bệnh hoạn,
 Chẳng phải tất cả tịnh hạnh,
 Đều được hưởng quả an vui.

Này Văn-Thù Sư-Lợi! Nếu ông mang bệnh, thì đức Phật cũng mang bệnh. Vì hàng A-La-Hán và Bích-Chi Phật, các vị Bồ-Tát cùng chư Phật Như-Lai đều thật không có ăn uống. Chỉ vì muốn giáo hóa chúng sanh nên thị hiện thọ dụng vật thực của chúng sanh cúng thí. Làm cho chúng sanh đầy đủ đàn-ba-la-mật, cứu vớt cho ngựa quỉ, súc sanh, địa ngục.

Nếu cho rằng đức Như-Lai khổ hạnh sáu năm, thân thể ốm gầy, thì là không đúng. Chư Phật Thế-Tôn giải thoát ba cõi chẳng đồng với phàm phu. Lẽ nào thân thể lại ốm gầy. Chư Phật siêng năng tu tập được thân kim cương chẳng đồng với thân nguy hiểm vô thường của người đời. Hàng đệ tử của ta cũng chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng nương nơi ăn uống mà sống.

Nói rằng tất cả người đại lực tâm không tật đố, đây cũng là không trọn nghĩa.

Như trong thế gian có người cả đời không có lòng tật đố, mà họ cũng không có đại lực.

Nói rằng tất cả bệnh khổ do ăn uống sanh ra, đây cũng chưa trọn nghĩa. Vì thấy có người mang phải bệnh ở ngoài đưa đến, như bị chém đâm v.v...

Nói rằng tất cả người tu tịnh hạnh hưởng quả an vui, đây cũng chưa trọn nghĩa, vì trong đời cũng có hàng ngoại đạo tu tịnh hạnh, mà vẫn thọ lấy quả khổ não.

Lời thuyết pháp của đức Như-Lai còn có nghĩa thừa, đó là đức Như-Lai vì có duyên do mà nói những kệ như vậy: Xưa kia nơi nước Ưu-Thiên-Ni, có nhà Bà-La-Môn tên Cồ-Đê-Đức đến nơi Phật thọ pháp bát-quan- trai. Lúc đó ta vì nhà Bà-La-Môn ấy mà nói kệ như vậy”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Những gì gọi là không nghĩa thừa? Thế nào lại gọi là nhứt-thiết-nghĩa?”

- Nay Thiện-nam-tử! Chỉ trừ pháp lành trợ đạo, thường, lạc, gọi là nhưt- thiết, cũng gọi là không thừa, ngoài ra các pháp khác cũng gọi là có thừa, cũng gọi là không thừa. Vì muốn làm cho mọi người ưa thích chánh pháp, biết nghĩa có thừa và nghĩa không thừa này.

Ca-Diếp Bồ-Tát vui mừng hơn hờ bạch Phật rằng: Rất lạ lùng! Rất lạ lùng! Đức Thế-Tôn bình đẳng xem chúng sanh như La-Hầu-La”.

Đức Phật tán thán Ca-Diếp Bồ-Tát: Lành thay! Lành thay! Chỗ kiến giải của ông rất sâu vi diệu. Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Cúi xin đức Như-Lai nói về sự được công đức ở nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này”.

- Nay Thiện-nam-tử! Nếu có người được nghe danh hiệu của kinh này, công đức của người đó được chẳng phải hàng Thanh-Văn Bích-Chi Phật có thể tuyên thuyết, duy

đức Phật biết rõ thôi. Vì chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới Phật. Huống là người thọ trì đọc tụng thông thuộc, biên chép kinh này.

Lúc đó chư Thiên, mọi người và A-tu-La ở trước Phật khác miệng đồng lời mà nói kệ rằng:

Chư Phật khó nghĩ bàn.
 Pháp, Tăng cũng như vậy,
 Vì thế nay kính thỉnh.
 Xin Phật nán ở lại.
 Đại-Ca-Diếp Tôn-Giả,
 Cùng với A-Nan-Đà,
 Quyển thuộc của hai ngài,
 Xin chờ giây lát đến.
 Và chúa nước Ma-Già,
 Đại-vương A-Xà-Thế.
 Chí tâm kính tin Phật,
 Vẫn còn chưa đến đây.
 Cúi xin đức Như-Lai,
 Xót thương ở giây lát,
 Nơi trong đại chúng này.
 Quyết lưới nghi chúng tôi.

Đức Như-Lai vì đại chúng mà nói kệ
rằng:

Trưởng tử trong giáo pháp ta
Tức là ông Đại-Ca-Diếp,
Ông A-Nan siêng tinh tấn.
Dứt được tất cả lưới nghi.
Đại chúng nên quán sát kỹ,
A-Nan là bậc đa văn,
Tự nhiên có thể hiểu rõ.
Pháp thường và pháp vô thường.
Vì thế đại chúng chẳng nên,
Sanh lòng lo buồn sâu khổ.

Bấy giờ đại chúng đem các đồ vật
cúng dường Như-Lai. Cúng Phật xong tất cả
đều phát tâm vô thượng bồ-đề. Vô lượng vô
biên hằng hà sa Bồ-Tát được trụ bậc sơ địa.

Đức Thế-Tôn thọ ký cho Văn-Thù Sư-
Lợi Bồ-Tát, Ca-Diếp Bồ-Tát và Thuần-Đà.
Thọ ký xong đức Phật nói rằng: Nay các
Thiện-nam-tử, phải tự tu tập tâm mình, chớ
nên phóng dật. Nay lưng ta có bệnh, cả mình

đều đau nhức, ta muốn nằm như đứa trẻ nít và người thường bệnh hoạn. Các ông Văn-Thù Sư-Lợi nên vì bốn bộ chúng mà giảng nói đại pháp. Nay ta đem pháp này, giao phó cho các ông. Đến khi Đại-Ca-Diếp và A-Nan đến, các ông sẽ phó chúc chánh pháp như vậy”.

Dặn dò xong, vì muốn điều phục chúng sanh, nên đức Phật hiện thân có bệnh, nằm nghiêng bên mặt.